TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **244**/2024/DS-ST
Ngày: 26/12/2024
V/v: Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng mở thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim P
2. Ông Tạ Đức Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024, về việc *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST-DS ngày 20/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2024/QĐST-DS ngày 09/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**
Địa chỉ: phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuỳ L – Nhân viên xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 4814/UQ-CNTL.24 ngày 17/12/2024 của Ngân hàng TMCP A)
Bà L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Bà Đỗ Thị Lan P**
Địa chỉ: Tổ 4, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Bà P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/4/2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A trình bày:*** Ngày 17/01/2012, giữa nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là *"A"* hoặc *"Ngân hàng"*) với bị đơn - bà Đỗ Thị Lan P thỏa thuận ký kết Hợp đồng sử dụng Visa Vàng

(Thẻ tín dụng Quốc tế), bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ghi ngày 16/01/2012 của bà Đỗ Thị Lan P, Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của A (sau đây gọi tắt là *"Hợp đồng"*), số thẻ 479139******9313 với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng; thời hạn thẻ đến Tháng 01/2015; mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay, lãi xuất như quy định trong hợp đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã kích hoạt thẻ và thực hiện các giao dịch theo thoả thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 21/6/2012 thì à P đã vi phạm thoả thuận do đó A đã chuyển khoản vay của bà P sang nợ quá hạn đồng thời chấm dứt sử dụng thẻ đối với toàn bộ khoản thẻ chưa thanh toán đối với bà P.

Tính đến ngày 26/12/2024, Bà P còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 41.513.020 đồng, lãi quá hạn: 220.201.189 đồng, **tổng là 221.143.478 đồng**. Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà Đỗ Thị Lan P có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên. Đồng thời bà P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 23/11/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**** Bị đơn là bà Đỗ Thị Lan P*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn giữ yêu cầu như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, đồng thời xuất trình bảng tính lãi đến ngày xét xử và đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu bổ sung khoản lãi này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác minh thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chấp hành không tốt các quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là bà Đỗ Thị Lan P có vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến nợ quá hạn, vì vậy Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ là có căn cứ và cần chấp nhận. Đề nghị: Áp dụng Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điểm d Khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn

phải thanh toán cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ chưa thanh toán theo lãi xuất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:* Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng mở thẻ tín dụng với bà Đỗ Thị Lan P. Bà P hiện đang cư trú tại phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mở thẻ tín dụng là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật.

- *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, do vậy căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng mở thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2.2] Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng bà Đỗ Thị Lan P đã ký ngày 17/01/2012 và được Ngân hàng phê duyệt hạn mức là 40.000.000 đồng. Tài liệu thể hiện bà P xác nhận đã đọc và đồng ý ràng buộc quyền và nghĩa vụ theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là đơn vị phát hành thẻ (sau đây gọi tắt là *"bản Điều khoản"*), bản Điều khoản này là một bộ phận không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 và Điểm d Khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực thi hành. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ.

- Về nợ gốc: Theo theo bản sao kê tài khoản số 479139******9313, số tiền thực tế bà P đã giao dịch để xác định nợ gốc, kể từ ngày kích hoạt tài khoản (27/02/2012) cho đến ngày 25/6/2012 phù hợp với diễn giải của ngân hàng. Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/6/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ

quá hạn với số tiền còn nợ là **41.513.020** đồng là phù hợp với quy định tại Bản điều khoản.

- Về nợ lãi, lãi suất: Theo Biểu phí áp dụng đối với các sản phẩm thẻ do A phát hành các ngày 01/6/2015, 12/6/2017 và Quy định số 142/NVQĐ-PTGĐPTT.24 ngày 05/7/2024 của Ngân hàng TMCP A thì mức lãi suất **quá hạn** áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế A lần là 3,225%/tháng (tương ứng với 2,15%/tháng trong hạn) giai đoạn từ 21/6/2012 đến 11/6/2017; 3,624%/tháng (tương ứng với 2,416%/tháng trong hạn) giai đoạn từ 12/6/2017 đến 31/12/2017; 3,576%/tháng (tương ứng với 2,384%/tháng trong hạn) giai đoạn từ 01/01/2018 đến 12/7/2023; 3,945%/tháng (tương ứng với 2,63%/tháng trong hạn) giai đoạn từ 13/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước, lãi suất Ngân hàng áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn đã vi phạm Hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Khoản 2 Điều 91 và Điều 93 của Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Đỗ Thị Lan P phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày 26/12/2024 là **261.714.209 đồng**, bao gồm 41.513.020đ nợ gốc và 220.201.189đ nợ lãi.

[3] Về án phí:

- Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Nguyên đơn được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 và 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A về tranh chấp phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/01/2012 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, đối với với bà Đỗ Thị Lan P.

Buộc bà Đỗ Thị Lan P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền **261.714.209 đồng** *(hai trăm sáu mươi mốt triệu, bẩy trăm mười bốn nghìn, hai trăm lẻ chín đồng)*, bao gồm **41.513.020 đồng** *(bốn mươi mốt triệu, năm trăm mười ba nghìn, không trăm hai mươi đồng)* nợ gốc và **220.201.189 đồng** *(hai trăm hai mươi triệu, hai trăm lẻ một nghìn, một trăm tám mươi chín đồng)* nợ lãi.

- Bà Đỗ Thị Lan P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 27/12/2024 cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Về án phí, quyền kháng cáo:

Bà Đỗ Thị Lan P phải chịu 13.085.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP A 5.529.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000026 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh